

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/HC-ST

Ngày 03 - 5 - 2024

*“Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, ông Phạm Hữu Dụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 133/2023/TLST-HC ngày 09/10/2023 về việc: *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-HC ngày 05/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-HC ngày 23/4/2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Trần Đình Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: Số E, tổ L, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L – Luật sư Văn phòng L1, đoàn luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: Số D C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B. Địa chỉ: Số A đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T – Phó chủ tịch. Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Trương Văn C, sinh năm 1966 – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Có mặt.

+ Ông Võ Quang H – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố

B. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1956; Có mặt.
2. Anh Trần Đình Minh H2, sinh năm 1987; Vắng mặt.
3. Chị Trần Thị Quỳnh T1, sinh năm 1989; Vắng mặt.
4. Chị Trần Thị Quỳnh N, sinh năm 1992; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 05/02/01 Nguyễn Thị Đ1, Tổ L, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn Đình Đ2 trình bày:**

Ngày 17/11/1999, tôi làm đơn xin hợp đồng khoán chăm sóc vườn cà phê. Ngày 01/08/2000, tôi ký Hợp đồng kinh tế số: 63DD1/HĐKT (V/v nhận khoán sản xuất cà phê) với Công ty C1, thửa đất số: 52b, tờ bản đồ số 06, diện tích nhận khoán: 4.930m²; sau khi nhận khoán tôi đã khai hoang bờ bụi xung quanh, để mở rộng diện tích, không vi phạm pháp luật, không bị lập biên bản, diện tích thực tế hiện nay là: 5.727,7m². Thời gian hợp đồng từ ngày 1/8/2000 đến ngày 31/12/2020.

Trước khi ký hợp đồng, từ năm 1995 thì gia đình tôi đã chăm sóc cà phê già của các chủ đồn điền để lại, năng suất thấp. Sau khi nhận khoán tôi trồng các loại cây đặc sản dài ngày trên diện tích đất này. Do không có nơi ở nên tôi đã làm một căn nhà nhỏ để ở, sản xuất và trông coi, thu hoạch sản phẩm. Tôi và 03 người con trực tiếp sản xuất nông nghiệp, và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất nhận khoán.

Ngày 22/04/2020, UBND thành phố B ra Quyết định số: **3119/QĐ-UBND** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S. UBND thành phố Buôn Ma Thuột thu hồi của tôi số diện tích: 2.271m² trong số diện tích đất nhận khoán nói trên nhưng xác định tôi không phải là người sử dụng đất nên không được hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Nhà cửa, công trình xây dựng, giếng tưới và các loại cây trồng bồi thường theo Chính sách “Thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật đất đai năm 2013”. Trong đó 320 cây mắc ca trồng năm 2017 không được bồi thường. Do vậy, gia đình tôi chỉ được bồi thường số tiền: 232.472.814 đồng (gia đình tôi đã nhận đủ số tiền này). Trong đó chỉ được hỗ trợ khác 2.271.000 đồng; không được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Tại thời điểm ngày 22/04/2020, gia đình tôi không có nhà ở và đất ở trên địa bàn thành phố B nhưng không được bố trí một lô đất ở có thu tiền không qua hình thức đấu giá. Từ khi bị thu hồi đất, không có nơi ở,

không có công ăn việc làm, không có thu nhập nên đời sống gia đình tôi gặp muôn vàn khó khăn.

Nội dung Quyết định số 3119 của UBND thành phố B nêu trên là không đúng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi. Vì vậy, sau khi nhận được Quyết định số 3119 của UBND thành phố B, từ ngày 10/6/2020 đến ngày 11/7/2022, tôi đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại nhưng không được UBND thành phố B giải quyết. Do đó, ngày 11/7/2022, tôi đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

Tại buổi làm việc hôm nay tôi giữ nguyên nội dung khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- **Thứ nhất**, hủy một phần Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng Sơn đối với phần bồi thường hỗ trợ cho gia đình tôi (Trần Đình Đ).

- **Thứ hai**, buộc UBND Thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình tôi, trong đó, bổ sung các khoản sau:

- (1) Bồi thường 100% giá trị nhà cửa, công trình xây dựng, giếng nước tưới.
- (2) Bồi thường 100% giá trị toàn bộ cây trồng trên diện tích đất thu hồi đã kiểm đếm, tính toán.
- (3) Bồi thường 320 cây mắc ca trồng năm 2017,
- (4) Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất.
- (5) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.
- (6) Bố trí 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá theo quy định của pháp luật.
- (7) Hỗ trợ khác về đất bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

*** Ông Lê Đại T là đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B trình bày:**

Ngày 05/06/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1321/QĐ-UBND, về việc chấp thuận nhà đầu tư dự án: “Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S”.

Ngày 25/08/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2284/QĐ-UBND, về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án: Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S”.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND, về

việc thu hồi 5.138.059,7 m² đất tại các phường T, T, T, T, T, T và xã E, thành phố B của Công ty TNHH MTV C1; giao diện tích 897.744,7 m² đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm P quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315 m² đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật.

Căn cứ biên bản họp ngày 10/10/2017 về việc thông qua chủ trương, chính sách và triển khai các nội dung liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S.

Ngày 06/12/2017, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND và UBMTTQVN phường T tiến hành đo đạc kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án.

Ngày 14/10/2019, Hội đồng đánh giá chất lượng còn lại đánh giá chất lượng còn lại dự án Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S.

Ngày 20/11/2019, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND và UBMTTQVN phường T, Tổ dân phố D, niêm yết công khai phương án dự thảo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án trên.

Ngày 10/12/2019, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND và UBMTTQVN phường T, Tổ dân phố D, tổng hợp ý kiến phản hồi, kết thúc thời gian niêm yết công khai của hộ dân sau khi niêm yết công khai phương án dự thảo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án.

Ngày 23/12/2019, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND và UBMTTQVN phường T, Tổ dân phố D, đại diện hộ dân tham gia cuộc họp giải thích vận động, đối thoại cho các hộ dân để giải đáp các kiến nghị của hộ dân về phương án dự thảo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án trên.

Ngày 15/01/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất, trình phòng T2 thẩm định phương án đối với Dự án trên. Trên cơ sở thống nhất ý kiến của Hội đồng thẩm định, Phòng Tài Nguyên và Môi trường trình UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 22/04/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3119/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S.

Đối với đơn khởi kiện của hộ ông Trần Đình Đ thì ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố B như sau:

Về nguồn gốc đất: Ông Trần Đình Đ hợp đồng liên kết cà phê với Công ty C1 theo hợp đồng số 63Đ1/HĐKT ngày 01/8/2000 thời hạn hợp đồng từ ngày

01/8/2000 đến ngày 31/12/2020. Hiện nay Công ty TNHH MTV C1 đã giải thể và hộ ông Đ vẫn sử dụng và canh tác lô đất nhận khoán trên.

Diện tích thu hồi để thực hiện dự án là 2.271m² (trong đó CLN=2.040,1m²; DGT=230,9m²) tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 6, phường T đã được UBND tỉnh thu hồi và giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017.

Căn cứ theo điểm d, khoản 1, Điều 76; khoản 1, Điều 82 của Luật đất đai năm 2013: “Các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm: Đất nhận khoán để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối....”.

Diện tích đất mà ông Trần Đình Đ đang sử dụng là đất nhận khoán của Công ty TNHH MTV C1 nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định.

Về hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Căn cứ khoản 1, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm”.

Hiện nay Công ty TNHH MTV C1 đã giải thể, tại Quyết định 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ đã thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C1 nên Hợp đồng kinh tế về việc giao khoán sản xuất cà phê không còn hiệu lực vì vậy không đủ điều kiện để hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Về tài sản vật kiến trúc: Căn cứ Khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ quy định: “Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại ...”. Do đó đối với tài sản vật kiến trúc của ông Trần Đình Đ đã được thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Về việc bồi thường các loại cây trồng: Căn cứ khoản 3, Điều 5 Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định giá bồi thường cây trồng, hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định “Đối với trường hợp cây trồng chính vượt mật độ, cây trồng xen canh, cây trồng bị ảnh hưởng do thi công các công trình theo tuyến (công trình giao thông, hành lang lưới điện không thu hồi đất...) được tỉnh hỗ trợ tối đa bằng 60% đơn giá bồi thường quy định tại Quyết định này đối với cây trồng cùng loại, cây trồng tương đương”. Do đó, cây trồng chính, trồng xen vượt mật độ được hỗ trợ 60% đơn giá bồi thường theo quy định.

Căn cứ Khoản 2, Điều 92 Luật đất đai năm 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất “Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”. Việc hộ ông Trần Đình Đ trồng các loại cây sau năm 2017, sau thời điểm UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 nên không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Về tái định cư: Căn cứ Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ “3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển nhà ở nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn chiếm của các công ty nông lâm nghiệp) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.” Qua xác minh tại thời điểm thực hiện công tác thu hồi đất hộ ông Trần Đình Đ không ở trên thửa đất bị thu hồi, không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở, do đó không được xem xét giao một thửa đất có thu tiền sử dụng đất.

Về hỗ trợ khác: Căn cứ Điều 22, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ “Trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Quyết định này”.

Thời điểm quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là ngày 22/04/2020 (Áp dụng Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của UBND tỉnh Đ) trước ngày Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 có hiệu lực thì hành. Do đó, hộ ông Trần Đình Đ yêu cầu bổ sung hỗ trợ khác, mức hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp theo Khoản 3, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ là không có cơ sở. Mặt khác, thời điểm hộ ông Trần Đình Đ khởi kiện quyết định hành chính đất đai ra Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã hết thời hiệu theo quy định tại Điều 116, Bộ luật Tố tụng hành chính 2015.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Đình Đ.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày:** Tôi nhất trí với phần trình bày của chồng tôi là ông Trần Đình Đ và không bổ sung thêm nội dung gì. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Đ: Hủy một phần Quyết định 3119/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của U, về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Đ, buộc U ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bổ sung các khoản: hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Đ về bồi thường 100% giá trị nhà cửa, công trình xây dựng, giếng nước tưới; yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt bổ sung hỗ trợ 100% giá trị vườn cây trên diện tích đất đã thu hồi (bao gồm cả 320 cây mắc ca trồng năm 2017); yêu cầu bố trí 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá; yêu cầu về hỗ trợ khác.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về đối tượng khởi kiện:* Ngày 22/04/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3119/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 3119). Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Đình Đ nên yêu cầu khởi kiện của ông Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 22/04/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3119, do không đồng ý với nội dung quyết định trên nên sau khi nhận được Quyết định từ ngày 10/6/2020 đến ngày 10/7/2022 ông Đ đã nhiều lần làm đơn khiếu nại nhưng không được Ủy ban nhân dân thành phố B giải quyết (đây là lỗi của cơ quan hành chính Nhà nước nên không được tính vào thời hiệu khởi kiện). Vì vậy, ngày 11/7/2022 ông Đ đã nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Ngày 01/8/2000, ông Trần Đình Đ và Công ty C1 ký Hợp đồng kinh tế số 63Đ1/HĐKT về việc nhận khoán – liên kết sản xuất cà phê đối với diện tích đất 4.930m² thuộc thửa đất số 52b, tờ bản đồ số 06; thời hạn hợp đồng từ ngày 01/8/2000 đến ngày 31/12/2020.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND, về việc thu hồi 5.138.059,7 m² đất tại các phường T, T, T, T, T và xã E, thành phố B của Công ty TNHH MTV C1; giao diện tích 897.744,7 m² đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh P quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315 m² đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. (Trong đó, có thửa đất mà hộ ông Trần Đình Đ nhận khoán).

Ngày 5/06/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1321/QĐ-UBND, về việc chấp thuận nhà đầu tư dự án: Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S.

Ngày 25/08/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2284/QĐ-UBND, về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án: Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S”.

Ngày 06/12/2017, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND và UBNDTTQVN phường T tiến hành đo đạc kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án.

Ngày 14/10/2019, Hội đồng đánh giá chất lượng còn lại của dự án Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S.

Ngày 20/11/2019, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND và UBNDTTQVN phường T, Tổ dân phố D, niêm yết công khai phương án dự thảo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án trên.

Ngày 10/12/2019, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND và UBNDTTQVN phường T, Tổ dân phố D, tổng hợp ý kiến phản hồi, kết thúc thời gian niêm yết công khai của hộ dân sau khi niêm yết công khai phương án dự thảo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án.

Ngày 23/12/2019, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND và UBNDTTQVN phường T, Tổ dân phố D, đại diện hộ dân tham gia cuộc họp giải thích vận động, đối thoại cho các hộ dân để giải đáp các kiến nghị của hộ dân về phương án dự thảo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án trên.

Ngày 15/01/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất, trình phòng T2 thẩm định phương án đối với Dự án trên. Trên cơ sở thống nhất ý kiến của Hội đồng thẩm

định, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND thành phố B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Hộ ông Trần Đình Đ bị thu hồi diện tích đất là 2.271m² (trong đó CLN=2.040,1m²; DGT=230,9m²) để thực hiện dự án, Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S. Diện tích đất bị thu hồi nằm trong thửa đất mà hộ ông Đ nhận khoán theo Hợp đồng kinh tế số 63Đ1/HĐKT về việc nhận khoán – liên kết sản xuất cà phê ngày 01/8/2000.

Ngày 22/04/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3119/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S. Trong đó, hộ ông Đ được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 232.474.814 đồng.

Sau khi Công ty TNHH MTV C1 giải thể thì hộ ông Đ vẫn sử dụng và canh tác lô đất nhận khoán trên đến ngày 06/8/2020 mới bàn giao mặt bằng.

Tuy nhiên, ông Đ cho rằng tại các Quyết định số 3119 Ủy ban nhân dân thành phố B chỉ hỗ trợ 80% giá trị nhà cửa, công trình xây dựng, giếng nước tưới và hỗ trợ 60% đến 80% đối với cây trồng trên diện tích đất đã thu hồi; không bồi thường 320 cây mắc ca trồng năm 2017; không hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất; không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; không hỗ trợ đất tái định cư; không hỗ trợ khác về đất theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, ông Đ khởi kiện để buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt bổ sung các khoản này.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Đ về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt bổ sung đối với khoản hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất:

Tại điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ) quy định về đối tượng và điều kiện được hưởng hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất như sau:

“Điều 19. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

Việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, gồm các trường hợp sau:

đ) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;

2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.”

Hộ ông Trần Đình Đ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất bị thu hồi trên cơ sở ký kết Hợp đồng kinh tế số 63Đ1/HĐKT về việc nhận khoán – liên kết sản xuất cả phê ngày 01/8/2000 với Công ty C1. Tại Biên bản xác minh thực trạng lao động nghề nghiệp điều tra tổng diện tích đất sử dụng của hộ gia đình ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân phường T thể hiện: Hộ gia đình ông Đ có 05 nhân khẩu (gồm: Ông Trần Đình Đ, bà Nguyễn Thị H1, anh Trần Đình Minh H2, chị Trần Thị Quỳnh T1, chị Trần Thị Quỳnh N), trong đó: Bà Nguyễn Thị H1 (vợ) là giáo viên nghỉ hưu; 04 người còn lại làm nông, lao động trực tiếp và có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp từ diện tích đất 2.271m² bị thu hồi. Như vậy, hộ ông Đ đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất nhưng tại Quyết định số 3119 của Ủy ban nhân dân thành phố B không hỗ trợ cho hộ ông Đ là không đúng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về nội dung này.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Đ về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt bổ sung đối với khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Tại điểm đ khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ) quy định:

Điều 20. *Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.*

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty N1, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm”

Tại khoản 1 Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ quy định:

Điều 18. *Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm*

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thuộc các trường hợp được quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trong trường hợp được bồi thường bằng tiền do không có đất để bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm ...”

Xét thấy, hộ ông Trần Đình Đ thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định 47 như đã nhận định nêu trên nên đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm nhưng UBND thành phố B không hỗ trợ khoản tiền này cho hộ ông Đ là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Đ. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Đ là phù hợp.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Đ về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt bổ sung khoản hỗ trợ đất tái định cư:

Tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ (Đã được sửa đổi bổ sung theo khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đ) quy định:

“3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.”

Tại Biên bản xác minh về điều kiện nhà ở và đất ở trên địa bàn phường T ngày 19/4/2020 thể hiện: Tại thời điểm thực hiện công tác thu hồi đất hộ ông Trần Đình Đ không ở trên thửa đất bị thu hồi, không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố B không hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Đ là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Trần Đình Đ.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Đ về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt bổ sung khoản hỗ trợ khác về đất theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ:

Ngày 22/04/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3119/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S.

Trong khi đó, ngày 15/3/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ mới ban hành Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND (có hiệu lực kể từ ngày 25/3/2022). Do đó, Ủy ban

nhân dân thành phố B không hỗ trợ khác về đất cho hộ ông Đ theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Trần Đình Đ.

[2.5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Đ về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt bổ sung trong đó hỗ trợ 100% giá trị nhà cửa, công trình xây dựng và giếng nước:

Căn cứ vào Biên bản đánh giá tỷ lệ chất lượng còn lại đối với nhà, công trình gắn liền với đất ngày 14/10/2019 của Hội đồng đánh giá số 1622 đã xác định giá trị còn lại của nhà và các công trình gắn liền với diện tích đất bị thu hồi của hộ ông Trần Đình Đ. Tại Quyết định số 3119, Ủy ban nhân dân thành phố B đã hỗ trợ 80% giá trị nhà và các công trình gắn liền với đất phù hợp với và phù hợp với quy định tại Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ (Đã được sửa đổi bổ sung theo khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đ). Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu hỗ trợ 100% giá trị nhà cửa, công trình xây dựng và giếng nước là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.6] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Đ về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt bổ sung hỗ trợ 100% giá trị vườn cây trên diện tích đất đã thu hồi (bao gồm cả 320 cây mắc ca trồng năm 2017):

Xét thấy, đối với các cây trồng được trồng trước ngày 04/01/2017 (trước thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND) thì Ủy ban nhân dân thành phố B hỗ trợ 60% đến 80% giá trị các cây trồng là phù hợp với quy định tại Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc ban hành quy định giá bồi thường cây trồng, hoa màu gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đối với 320 cây mắc ca và 04 cây bơ sấp đều trồng năm 2017, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án ngày 07/12/2017 xác định 320 cây mắc ca và 04 cây bơ sấp đều trồng năm 2017 không xác định rõ ngày tháng. Tại Quyết định số 3119 Ủy ban nhân dân thành phố B xác định các cây trồng này trồng sau thời điểm 04/01/2017, quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện không cung cấp được chứng cứ chứng minh các cây trồng nêu trên trồng trước ngày 04/01/2017. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố B không hỗ trợ đối với các cây trồng này cho hộ ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định về giá bồi thường cây trồng, hoa màu gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Trần Đình Đ.

Từ những căn cứ, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Đ như nội dung đã phân tích trên.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Đ được chấp nhận

một phần nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ các Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 86; Điều 92 Luật đất đai 2013;

Áp dụng điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ); điểm đ khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (Được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ).

Áp dụng khoản 1 Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ; khoản 3 Điều 6 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ (Đã được sửa đổi bổ sung theo khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đ); Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ (Đã được sửa đổi bổ sung theo khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đ).

Áp dụng Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc ban hành quy định giá bồi thường cây trồng, hoa màu gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Đ.

Hủy một phần Quyết định số 3119/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S (đối với hộ ông Trần Đình Đ);

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Trần Đình Đ, trong đó bổ sung các khoản sau:

- Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất;
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;

[2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Đ đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải phê duyệt bổ sung đối với các khoản sau:

- Hỗ trợ đất tái định cư;

- Hỗ trợ khác về đất theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ;

- Hỗ trợ 100% giá trị nhà cửa, công trình xây dựng và giếng nước;

- Hỗ trợ 100% giá trị vườn cây trên diện tích đất đã thu hồi (bao gồm cả 320 cây mắc ca trồng năm 2017).

[3] Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức